

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BNN-KTHT
V/v hướng dẫn triển khai thực hiện
Chương trình bố trí dân cư theo Quyết
định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022
của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 590/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình bố trí dân cư). Căn cứ phạm vi, đối tượng, mục tiêu, nội dung, tổ chức thực hiện và để kịp triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai thực hiện một số nội dung trong Quyết định nêu trên, cụ thể như sau:

I. MỘT SỐ NỘI DUNG RÀ SOÁT BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ, PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ DÂN CƯ XEN GHÉP VÀ ỔN ĐỊNH TẠI CHỖ

1. Rà soát nội dung bố trí ổn định dân cư

a) Yêu cầu chung

- Rà soát, xác định phạm vi, đối tượng của Chương trình bố trí dân cư (không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Nội dung bố trí ổn định dân cư, bảo đảm phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan, đáp ứng yêu cầu về đất ở, đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, phù hợp với phong tục tập quán của người dân từng vùng, từng địa phương và phát triển bền vững.

- Xác định mục tiêu số hộ bố trí ổn định hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng huy động nguồn vốn và tổ chức thực hiện tại địa phương trong từng giai đoạn.

- Bảo đảm tính khoa học và kế thừa, dựa trên kết quả điều tra cơ bản, các định mức kinh tế, kỹ thuật, các tiêu chí, chỉ tiêu có liên quan.

- Phương án bố trí ổn định dân cư đề cập cụ thể về vị trí; tên điểm dân cư; nơi xây dựng khu tái định cư; quy mô số hộ bố trí ổn định theo các đối tượng di dân, các loại hình thiên tai. Đồng thời, sắp xếp thứ tự ưu tiên, trước hết là nơi bị thiên tai, có nguy cơ thiên tai; khu vực biên giới đất liền còn ít dân hoặc chưa có dân sinh sống; nơi có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh; nơi đặc biệt khó khăn dễ xảy ra di cư tự do.

- Đề xuất được các giải pháp thực hiện như: giải quyết quỹ đất đai, huy động vốn đầu tư, tổ chức phát triển sản xuất, cơ chế chính sách và các giải pháp khác.

- Yêu cầu khác có liên quan.

b) Nội dung báo cáo rà soát bố trí ổn định dân cư

- Sự cần thiết bố trí ổn định dân cư đối với phát triển kinh tế, xã hội, ổn định dân cư, phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng an ninh và xây dựng nông thôn mới.

- Đánh giá thực trạng các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội có liên quan đến bố trí ổn định dân cư như: đất đai, nguồn nước, cơ sở hạ tầng, dân số, lao động, thành phần dân tộc, đời sống dân cư, phong tục, tập quán và các điều kiện khác.

- Đánh giá kết quả thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn trong giai đoạn trước; phân tích các mặt được, mặt chưa được, những khó khăn vướng mắc cần phải giải quyết để thực hiện tốt nhiệm vụ này trong giai đoạn tới.

- Xác định nhu cầu bố trí ổn định dân cư trên địa bàn theo các đối tượng bố trí (thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, rừng đặc dụng), trong đó số hộ cần thực hiện bố trí ổn định trong giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030.

- Quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của bố trí ổn định dân cư.

- Phương án bố trí ổn định dân cư gồm các nội dung:

- + Tổng số hộ bố trí ổn định, phân theo các hình thức bố trí (tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ) và đối tượng bố trí (thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, rừng đặc dụng).

- + Danh mục các điểm bố trí ổn định dân cư: tên điểm (thôn, xã, huyện); quy mô số hộ; hình thức bố trí; đối tượng bố trí; địa bàn bố trí (trong xã, trong huyện, trong tỉnh, ngoài tỉnh).

- + Danh mục các điểm bố trí ổn định dân cư cần ưu tiên thực hiện trước.

- + Tiến độ thực hiện bố trí ổn định dân cư qua các năm.

- Phương án xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng tái định cư tập trung, xen ghép (nêu rõ khối lượng, tiêu chuẩn xây dựng, vốn đầu tư của từng loại công trình như: giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, điện sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác).

- Phương án phát triển sản xuất các vùng bố trí ổn định dân cư như: bố trí đất sản xuất cho hộ; phương hướng sản xuất chính; tổ chức phát triển sản xuất.

- Xác định các giải pháp thực hiện gồm: cơ chế chính sách; giải quyết quỹ đất ở, đất sản xuất; đào tạo nguồn nhân lực; huy động vốn đầu tư; tổ chức thực hiện và các giải pháp khác.

- Khái toán tổng mức đầu tư thực hiện bố trí ổn định dân cư.

- Hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng an ninh.

- Một số kiến nghị của địa phương.

2. Dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với việc bố trí dân cư vào vùng tập trung)

a) Yêu cầu chung

- Tên dự án: Trường hợp trên một địa bàn bố trí dân cư có nhiều đối tượng cần bố trí ổn định như: vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, biên giới, hải đảo, khu rừng đặc dụng thì xây dựng dự án kết hợp nhiều đối tượng và lấy đối tượng có số hộ nhiều nhất để gọi tên theo 1 trong 4 loại Dự án sau:

- + Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai;
- + Dự án bố trí ổn định dân cư vùng biên giới, hải đảo;
- + Dự án bố trí ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn;
- + Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do, dân cư trú trong khu rừng đặc dụng.

- Lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

- Điểm xây dựng dự án bảo đảm phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan.

- Thể hiện đầy đủ các nội dung về đánh giá thực trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, các hoạt động của dự án, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống giải pháp thực hiện theo quy định.

- Xác định phạm vi, mục tiêu, khối lượng, tổng mức đầu tư hợp lý để hoàn thành dự án không quá 3 năm đối với dự án nhóm C và 4 năm đối với dự án nhóm B;

- Đánh giá tác động đến môi trường của dự án.

- Các sơ đồ, bản vẽ về vị trí, danh giới vùng dự án; bản đồ hiện trạng, quy hoạch và thiết kế cơ sở các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định.

- Yêu cầu khác có liên quan.

b) Nội dung chủ yếu của dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư

- Sự cần thiết của dự án: Về cơ sở thực tiễn (tình hình dân cư vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, khu rừng đặc dụng, biên giới, hải đảo, vấn đề di cư tự do, an ninh quốc phòng...); cơ sở pháp lý (các Quyết định, Chỉ thị).

- Xác định phạm vi, quy mô, đối tượng, mục tiêu của dự án.

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội vùng bố trí ổn định dân cư như: đất đai, nguồn nước, địa hình, khí hậu thời tiết, cơ sở hạ tầng, dân cư và đời sống dân cư, các yếu tố có liên quan đến ổn định đời sống, sản xuất của người dân.

- Các hoạt động của dự án:

+ Phương án bố trí ổn định dân cư: Số hộ bố trí di chuyển đến điểm tái định cư hoặc ổn định tại chỗ, nơi xuất cư (trong xã, trong huyện, trong tỉnh, ngoài tỉnh đến), bố trí đất ở, đất sản xuất cho các hộ dân, tiến độ thực hiện bố trí ổn định qua các năm.

+ Phương án phát triển sản xuất ở vùng dự án: Diện tích khai hoang, phục hóa (nếu có); định hướng, tổ chức phát triển sản xuất của vùng.

+ Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng: Giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và các công trình thiết yếu khác. Việc dự kiến xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư phải trên nguyên tắc tiết kiệm vốn đầu tư, quy mô công trình hợp lý, chỉ đầu tư xây mới hoặc nâng cấp các công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất và ổn định dân cư trong vùng dự án.

- Các giải pháp thực hiện dự án, đặc biệt là giải pháp đảm bảo quỹ đất ở, đất sản xuất, huy động các nguồn vốn đầu tư, tổ chức phát triển sản xuất, hoàn thiện kết cấu hạ tầng để xây dựng điểm dân cư phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Khái toán tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và tiến độ thực hiện:

+ Tổng mức đầu tư phân ra: chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng, chi phí hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, chi phí phát triển sản xuất và chi phí khác.

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn khác.

+ Tiến độ thực hiện vốn đầu tư qua các năm.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng của việc đầu tư dự án bố trí ổn định dân cư.

c) Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan. Văn bản phê duyệt dự án đầu tư bố trí dân cư của tỉnh gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, theo dõi.

d) Đối với dự án chưa hoàn thành, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn ngân sách nhà nước nhưng chưa được bố trí vốn hàng năm để thực hiện. Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 9 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản pháp luật khác có liên quan, các địa phương có phương án tiếp tục bố trí vốn ngân sách nhà nước để hoàn thành theo tiến độ bố trí vốn đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Phương án bố trí dân cư xen ghép

a) Yêu cầu chung

- Địa bàn bố trí ổn định dân cư xen ghép bảo đảm phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan.

- Nơi bố trí dân cư xen ghép có khả năng điều chỉnh đất ở, đất sản xuất để giao cho các hộ di dân mới đến; đảm bảo cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và phúc lợi công cộng khi tiếp nhận thêm dân đến theo quy hoạch, kế hoạch.

- Phạm vi của phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép thuộc một huyện hoặc tỉnh tùy theo quy mô số hộ bố trí.

- Yêu cầu khác có liên quan.
- b) Nội dung chủ yếu của phương án bố trí dân cư xen ghép
 - Luận chứng về sự cần thiết bố trí dân cư xen ghép.
 - Đánh giá thực trạng các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa bàn dự kiến nhận dân xen ghép; phân tích tình hình dân cư, quỹ đất đai, cơ sở hạ tầng ở các khu vực có khả năng nhận dân xen ghép.
 - Đề xuất mục tiêu về bố trí dân cư, bổ sung hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất và đời sống người dân.
 - Phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép gồm các nội dung:
 - + Số hộ (khẩu) bố trí xen ghép phân theo các đối tượng như: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng;
 - + Địa danh và số thôn, bản nhận dân xen ghép;
 - + Tiến độ thực hiện bố trí dân cư xen ghép qua các năm.
 - Phương án bố trí đất ở, đất sản xuất cho hộ bố trí xen ghép bao gồm:
 - + Khai hoang, phục hóa diện tích đất chưa sử dụng (nếu có);
 - + Chuyển đổi mục đích sử dụng đất;
 - + Chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất giữa hộ sở tại và hộ bố trí xen ghép đến theo quy định của pháp luật.
 - Phương án xây dựng mới hoặc nâng cấp cơ sở hạ tầng. Các hạng mục xây dựng mới hoặc nâng cấp thực hiện theo quy định hiện hành.
 - Các giải pháp tổ chức thực hiện.
 - Khái toán tổng mức đầu tư phân theo các nguồn vốn và tiến độ thực hiện.
- c) Lập, thẩm định, phê duyệt phương án bố trí dân cư xen ghép
 - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện) chủ trì phối hợp với các cấp chính quyền lập phương án bố trí dân cư xen ghép, tổ chức thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định chung.
 - Văn bản phê duyệt phương án bố trí dân cư xen ghép của tỉnh gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, theo dõi.

4. Bố trí ổn định tại chỗ

Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ được hỗ trợ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

II. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ

1. Yêu cầu chung

- Nội dung kế hoạch phải thể hiện đầy đủ, toàn diện về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm trước, danh mục dự án đầu tư trong năm kế hoạch (gồm

dự án tiếp tục thực hiện và dự án khởi công mới), các chỉ tiêu về bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư, các giải pháp thực hiện kế hoạch;

- Huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm như: Nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, vốn các chương trình, dự án hiện có, vốn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác;

- Bảo đảm đầu tư tập trung, có trọng điểm. Ưu tiên đầu tư thực hiện các dự án đang triển khai dở dang có khả năng hoàn thành trong năm kế hoạch; sau năm 2025, không còn tồn đọng các dự án di dân tự do của giai đoạn trước theo chủ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 22/NQ-CP; các dự án bố trí dân cư ở vùng nguy cơ cao về thiên tai, các dự án ở khu vực đặc biệt khó khăn dễ xảy ra di cư tự do và có vị trí quan trọng về quốc phòng an ninh.

2. Một số nội dung chủ yếu kế hoạch bố trí ổn định dân cư

a) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm và ước thực hiện kế hoạch cả năm các chỉ tiêu như: Bố trí ổn định dân cư phân theo các hình thức (tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ), xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư như: giao thông (km), thủy lợi (công trình), nước sinh hoạt (công trình hoặc giếng, bể), điện sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác; phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp, việc làm vùng bố trí ổn định dân cư; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; thực hiện vốn đầu tư (phân theo nguồn vốn đầu tư) và nội dung khác có liên quan.

b) Đánh giá mặt được và tồn tại chủ yếu, nguyên nhân.

c) Phương hướng, nhiệm vụ năm kế hoạch gồm các nội dung:

- Dự báo tình hình liên quan đến việc đưa ra mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của năm kế hoạch về bố trí dân cư;

- Danh mục các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư;

- Kế hoạch bố trí ổn định dân cư theo hình thức tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ;

- Kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng tại các dự án bố trí ổn định dân cư;

- Kế hoạch phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp, việc làm tại các dự án bố trí ổn định dân cư;

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức và người làm công tác bố trí dân cư nhằm nâng cao năng lực, quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình bố trí dân cư;

- Kế hoạch vốn bố trí ổn định dân cư.

d) Các giải pháp thực hiện kế hoạch

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ

1. Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thuộc đối tượng của Chương trình bố trí dân cư được xem xét, hỗ trợ theo các nội dung quy định tại khoản 2

mục IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể một số nội dung chủ yếu sau:

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án bố trí ổn định dân cư được giao đất ở, đất sản xuất, đảm bảo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, tập quán ở địa phương. Thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án được duyệt;

- Hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình, bao gồm: Di chuyển người và tài sản, khai hoang, nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung). Hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp trong khu rừng đặc dụng được bố trí tái định cư hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định hiện hành;

- Hỗ trợ địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép để thực hiện các việc: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất), xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác. Các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới theo thứ tự ưu tiên, có sự tham gia của cộng đồng người dân sở tại.

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương (xem xét, nghiên cứu vận dụng mức hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ để di dời nhà ở đối với hộ gia đình vùng có nguy cơ thiên tai theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; vận dụng quy định mức hỗ trợ kinh phí di chuyển đối với hộ vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 và hỗ trợ địa bàn bố trí dân cư xen ghép với mức hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025).

2. Một số nội dung hỗ trợ khác

- Hỗ trợ phát triển sản xuất; phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm; tuyên truyền vận động theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 mục IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình bố trí dân cư, xem xét ưu tiên hỗ trợ vùng bố trí ổn định dân cư phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; mô hình, dự án phát triển sản xuất; chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ

phát triển ngành nghề, đào tạo nghề nông thôn; Chương trình OCOP; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới... góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống lâu dài.

- Ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí chỉ đạo thực hiện Chương trình ở các cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã), bao gồm các hoạt động, như: tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, đào tạo bồi dưỡng tập huấn nâng cao năng lực và các hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) lập dự toán kinh phí hoạt động nghiệp vụ thực hiện Chương trình bố trí dân cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện.

IV. BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TRONG HUYỆN; BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ NGOÀI HUYỆN, TRONG TỈNH VÀ BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ NGOÀI TỈNH

Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu nội dung bố trí ổn định dân cư đã thực hiện trong giai đoạn 2016-2020, vận dụng, xây dựng và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện bố trí ổn định dân cư theo địa bàn (trong huyện; ngoài huyện, trong tỉnh và ngoài tỉnh) thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg, với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Giải thích từ ngữ

- Bố trí, ổn định dân cư trong huyện là hình thức bố trí, ổn định dân cư trong phạm vi một hoặc nhiều xã trên địa bàn của một huyện.

- Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh là hình thức bố trí, ổn định dân cư từ huyện này sang huyện khác trong phạm vi một tỉnh.

- Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh là hình thức bố trí, ổn định dân cư từ tỉnh này sang tỉnh khác.

2. Một số nội dung bố trí ổn định dân cư trong huyện

- Tổ chức tuyên truyền, vận động để từng người dân thuộc diện bố trí ổn định hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Chương trình bố trí dân cư và mục tiêu dự án, phương án;

- Tổ chức họp phổ biến chủ trương, kế hoạch bố trí, ổn định dân cư; bình xét và công khai danh sách các hộ được bố trí ổn định dân cư;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án (kèm theo danh sách các hộ được bố trí ổn định dân cư); đồng thời gửi Quyết định nêu trên đến các cấp, ban ngành có liên quan; thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ được phê duyệt bố trí, ổn định dân cư theo quy định hiện hành; chỉ đạo lập biên bản nghiệm thu số hộ được bố trí ổn định;

- Một số nội dung cần thiết khác có liên quan.

3. Một số nội dung bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi

- Tổ chức tuyên truyền, vận động để từng người dân thuộc diện bố trí ổn định hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Chương trình bố trí dân cư và mục tiêu dự án, phương án;

- Tổ chức họp phổ biến chủ trương, kế hoạch bố trí, ổn định dân cư; bình xét và công khai danh sách các hộ được bố trí ổn định dân cư;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư (kèm theo danh sách các hộ được bố trí ổn định dân cư); phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến tổ chức bàn giao, đưa các hộ được bố trí ổn định đến vùng dự án, phương án;

- Một số nội dung cần thiết khác có liên quan.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao và trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi; tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân, xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án và gửi Quyết định nêu trên đến các cấp, ban ngành có liên quan;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi tổ chức tiếp nhận các hộ vào vùng dự án, phương án; chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ theo quy định hiện hành; chỉ đạo lập biên bản nghiệm thu số hộ bố trí ổn định.

- Một số nội dung cần thiết khác có liên quan.

4. Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh

Trường hợp cần thiết có nhu cầu di dân đi ngoài tỉnh, cần thống nhất tỉnh có dân đi và tỉnh có dân đến để bố trí theo quy hoạch, kế hoạch.

V. KINH PHÍ, NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao và một số nội dung hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

1. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; chỉ đạo rà soát, lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định hiện hành.

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

3. Chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện Chương trình.

4. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương.

5. Chỉ đạo các sở, ban, ngành và chính quyền các cấp phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các dự án cụ thể trên địa bàn; các tỉnh có dân di và đến phối hợp tổ chức công tác đăng ký nhân hộ khẩu, thẻ căn cước công dân theo quy định của Luật Cư trú.

6. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hàng năm và giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả Chương trình gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì làm đầu mối (thường trực) phối hợp với các Sở, ngành có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình tại địa phương, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện bố trí dân cư về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn) trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định chung.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, QP, UBDT;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, KTHT(Pg).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam